

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ THỦY
SẢN-BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 30/2006/TTLT/BTC-
BNN&PTNT-BTS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 4 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối
với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư.

Để thống nhất quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

- Thông tư này hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy nông, nghề muối, chế biến, bảo quản nông, lâm sản, muối, ngành nghề nông thôn và khuyến ngư trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến thủy sản (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản).
- Hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm; Hoạt động khuyến nông, khuyến ngư địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông, khuyến ngư phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; cuối quý, cuối năm quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Đối tượng được nhà nước hỗ trợ kinh phí khuyến nông, khuyến ngư:

Nông dân, diêm dân, ngư dân, hộ gia đình, công nhân nông-lâm trường, chủ trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, nghề muối, chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản, thủy sản, muối, ngành nghề nông thôn.

2. Nội dung chi hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, gồm:

a) Nội dung chi của khuyến nông, khuyến ngư Trung ương:

Kinh phí khuyến nông, khuyến ngư trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản quản lý và thực hiện, bao gồm các nội dung chi sau:

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu để hướng dẫn, tập huấn, đào tạo khuyến nông, khuyến ngư tới cấp tỉnh.

- Chi hỗ trợ tuyên truyền hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trên các phương tiện thông tin đại chúng phát trên toàn quốc, hội thi; chi in ấn tờ tin, ấn phẩm, áp phích.

- Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, gắn với từng mô hình khuyến nông, khuyến ngư trung ương.

- Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người hoạt động khuyến nông, khuyến ngư ở trung ương và cấp tỉnh. Tham quan, khảo sát, học tập trong và ngoài nước gắn với chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư trung ương.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, mô hình công nghệ cao, chuyển giao khoa học công nghệ trên các vùng sinh thái có ý nghĩa toàn quốc hoặc khu vực do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ

Thủy sản phê duyệt phù hợp với chương trình, kế hoạch khuyến nông, khuyến ngư trung ương trong từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Mua bản quyền tác giả về công nghệ mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với chương trình, kế hoạch khuyến nông, khuyến ngư trung ương trong từng giai đoạn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật trong hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.

- Chi hỗ trợ kiểm tra đánh giá, giám sát hoạt động khuyến nông, khuyến ngư tại các địa phương và các cơ sở.

- Chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ khuyến nông, khuyến ngư.

- Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông, khuyến ngư (nếu có)

b) Nội dung chi của khuyến nông, khuyến ngư địa phương:

Kinh phí khuyến nông, khuyến ngư địa phương (bao gồm kinh phí khuyến nông, khuyến ngư cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở) do các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý và thực hiện, bao gồm các nội dung chi sau:

- Chi biên soạn giáo trình, tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu để hướng dẫn, tập huấn, đào tạo khuyến nông, khuyến ngư.

- Chi hỗ trợ tuyên truyền cho công tác khuyến nông, khuyến ngư trong phạm vi địa phương, hội thi; chi in ấn tờ tin, ấn phẩm, áp phích.

- Bồi dưỡng, tập huấn và truyền nghề cho người sản xuất để nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, gắn với từng mô hình khuyến nông, khuyến ngư của địa phương.

- Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người hoạt động khuyến nông, khuyến ngư ở địa phương. Tham quan, khảo sát, học tập trong và ngoài nước gắn với chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư của địa phương.

- Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn, mô hình công nghệ cao, chuyển giao kết quả khoa học công nghệ, phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản của địa phương.

- Mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới phù hợp với điều kiện của địa phương, theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Chi thuê cán bộ kỹ thuật trong hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.
- Chi hỗ trợ kiểm tra đánh giá, giám sát hoạt động khuyến nông, khuyến ngư tại cơ sở.
- Chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ khuyến nông, khuyến ngư.
- Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến nông, khuyến ngư (nếu có)

3. Một số mức chi cụ thể:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông, khuyến ngư từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và theo đúng cam kết với cơ quan khuyến nông, khuyến ngư.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số khoản chi sau:

a) Về chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch về giống, vật tư chính (thức ăn, phân bón, hoá chất, thuốc) trong trường hợp áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất mà nhu cầu đầu tư tăng thêm so với mức bình thường.
- Trường hợp mô hình trình diễn áp dụng kỹ thuật mới không có mức chi phí hiện hành để so sánh chênh lệch, thì mức hỗ trợ tối đa 40% mức chi phí về giống và tối đa 20% chi phí vật tư chính (thức ăn, phân bón, hoá chất, thuốc); đối với miền núi, vùng sâu, biên giới, bãi ngang ven biển hỗ trợ tối đa 60% mức chi phí về giống và tối đa 40% chi phí vật tư chính; Đối với các hộ nghèo ở miền núi, vùng sâu, biên giới được hỗ trợ tối đa 80% mức chi phí về giống và tối đa 60% chi phí về vật tư chính.
- Đối với một số mô hình có tính đặc thù riêng, mức hỗ trợ cụ thể như sau:
 - + Mô hình công nghệ cao hỗ trợ tối đa 40% mức chi phí về giống và tối đa 20% chi phí vật tư chính và một phần kinh phí chuyển giao công nghệ, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình.

- + Mô hình áp dụng công cụ, cải tiến kỹ thuật: hỗ trợ tối đa 30% giá trị công cụ, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mô hình.
- + Mô hình cơ giới hoá nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề khác (không bao gồm lò sấy của mô hình bảo quản chế biến, cải tạo hệ thống đồng muối của mô hình muối): hỗ trợ tối đa 30% thiết bị chính nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 45 triệu đồng/mô hình; đối với miền núi, vùng sâu vùng xa và hải đảo hỗ trợ tối đa 50% thiết bị chính, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 75 triệu đồng/mô hình.
- + Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 30% trang thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 75 triệu đồng/mô hình; tuyến đảo xa bờ hỗ trợ tối đa 50% trang thiết bị, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 125 triệu đồng/mô hình.
- + Mô hình chế biến bảo quản sản phẩm thủy sản trên bờ (không bao gồm nhà máy, phân xưởng), cơ khí hậu cần dịch vụ thủy sản: hỗ trợ tối đa 30% trang thiết bị nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/mô hình; trên các tuyến đảo hỗ trợ tối đa 50% trang thiết bị, nhưng tổng mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình.
- + Mô hình khuyến nông, nuôi trồng thủy sản ở hải đảo: hỗ trợ 100% mức chi phí về giống, vật tư chính.

b) Về mua bản quyền, quy trình công nghệ mới, phải gắn với mô hình cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua bản quyền (không bao gồm kinh phí mua nhà xưởng, nhà lưới, nhà kính, thiết bị công nghệ).

Quy mô mô hình, mức hỗ trợ cho từng mô hình cụ thể do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) xem xét quyết định, trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật của từng mô hình và đơn giá vật tư của từng năm, đảm bảo phù hợp với tính chất của từng mô hình, nhưng không vượt quá tỷ lệ tối đa quy định tại Thông tư này.

c) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu cho một người/tháng trong những ngày làm việc, thời gian ký hợp đồng căn cứ vào chu kỳ của từng cây, con, nhưng tối đa không quá 9 tháng cho một năm.